



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/CBTT – NN13

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 34385

Giờ: Ngày 14 tháng 10 năm 13

Đĩ An, ngày 14 tháng 10 năm 2013



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ

Mã chứng khoán: NNC

Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố Bình Thung 2, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình
Dương

Điện thoại: 0650.3751515

Fax: 0650.3751234

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Hải

Địa chỉ: số 84/3B khu phố Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình
Dương

Điện thoại: 0909087969

Fax: 0650.3751234

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☒ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo tài chính quý 3/2013.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
14/10/2013 tại đường dẫn www.nuinhovietnam.vn của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người được ủy quyền
công bố thông tin**

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 3/2013.

Trần Văn Hải
Trần Văn Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 3 NĂM 2013

CHỈ TIÊU	MS	TM	QUÝ 3		T.ƯỖY KẾ ĐẾN QUÝ 3	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.20	78.948.150.985	66.102.571.684	233.953.521.671	191.181.924.637
2. Các khoản giảm trừ	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		78.948.150.985	66.102.571.684	233.953.521.671	191.181.924.637
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21	53.053.103.260	44.643.666.742	155.690.316.629	129.788.642.734
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		25.895.047.725	21.458.904.942	78.263.205.042	61.393.281.903
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22	3.058.800.178	2.386.862.524	7.788.923.935	9.015.539.633
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.23	613.333.333	-	633.333.333	118.259.160
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	V.24	374.750.813	509.928.872	1.597.794.103	1.500.504.026
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.25	1.555.490.624	1.386.246.430	5.044.396.848	4.184.015.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		26.410.273.133	21.949.592.164	78.776.604.693	64.606.043.181
11. Thu nhập khác	31	V.26	-	-	-	1.319.000
12. Chi phí khác	32	V.27	55.838.655	-	58.157.422	5.820.774
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(55.838.655)	-	(58.157.422)	(4.501.774)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.354.434.478	21.949.592.164	78.718.447.271	64.601.541.407
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.29	6.675.936.479	3.881.441.491	18.587.638.602	14.649.357.344
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(73.368.197)	-	1.106.512.571	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.751.866.196	18.068.150.673	59.024.296.098	49.952.184.063

Người lập

Nguyễn Thị Kiều Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Hải

Ngày 14 tháng 10 năm 2013

Giám Đốc



THAM TUẦN KIẾT